



VIỆN ĐO LƯỜNG VIỆT NAM (ĐK 05)

(Vietnam Metrology Institute)

Địa chỉ (Add.): Số 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại (Tel.): (84-024) 37914876; Fax: (84-024) 37564260

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (No): V10.CN5.123.22

Tên đối tượng (Object):

Lò chuẩn nhiệt độ

(Temperature Calibrator)

Kiểu (Type): 9170

Số (Serial No.)/Mã QL (Tag No): B95379

Nơi sản xuất (Manufacturer): Fluke

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo (Range): $(-45 \sim 140) ^\circ\text{C}$

Độ phân giải (Resolution): $0,001 ^\circ\text{C}$

Cơ sở sử dụng (Customer):

Công ty TNHH Đảm bảo chất lượng Việt Nam

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): VMI-CP 16:2013

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Nhiệt kế điện trở platin chuẩn (SPRT), 5626/Hart Scientific/USA, $U_{95} = 0,010 ^\circ\text{C}$

Cầu đo điện trở 1590 (High Precision Bridge), Hart Scientific/USA, $U_{95} = 6 \text{ ppm}$

Chuẩn được liên kết đến hệ đơn vị quốc tế SI

(Standards are traceable to the International System of units SI)

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau (The result of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị tới (Recalibration recommended): 30-06-23

Hà Nội, Ngày 01 tháng 06 năm 2022

(Date of Issue)

 **Trưởng phòng thí nghiệm**
(Head of calibration Laboratory)

VIỆN TRƯỞNG
(Director)



Đỗ Văn Hồng

VILAS 072



PHÓ VIỆN TRƯỞNG


Bùi Quốc Thụ

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): V10.CN5.123.22

Chỉ thị (Indicator) (°C)	Chuẩn (Standard) (°C)	Số hiệu chính (Correction) (°C)	Độ ổn định (Stability) (°C)	Độ đồng đều dọc (Axial Uniformity) (°C)	Độ đồng đều ngang (Radial Gradient) (°C)	Độ KĐBĐ (Uncertainty) P = 95%CL, k = 2 (°C)
-25,000	-25,023	-0,023	± 0,010	± 0,04	± 0,01	0,15
-20,000	-20,018	-0,018	± 0,008	± 0,04	± 0,01	
-10,000	-10,015	-0,015	± 0,008	± 0,04	± 0,01	
-5,000	-5,020	-0,020	± 0,010	± 0,05	± 0,01	
0,000	-0,036	-0,036	± 0,010	± 0,05	± 0,01	
5,000	4,972	-0,028	± 0,010	± 0,05	± 0,01	
20,000	19,987	-0,013	± 0,010	± 0,05	± 0,01	
37,000	36,977	-0,023	± 0,010	± 0,05	± 0,01	
70,000	69,991	-0,009	± 0,010	± 0,05	± 0,01	
105,000	104,982	-0,018	± 0,010	± 0,05	± 0,01	
130,000	129,976	-0,024	± 0,010	± 0,05	± 0,01	

Người hiệu chuẩn
(Calibration by)



Nguyễn Việt Phương



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)